TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2022/HN-ST
Ngày: 26/7/2022
V/v "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ T gồm có:

T phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lựu.

*Các Hội T nhân dân:*1. Ông Lê Quang Tiến.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đặng Hoàng Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa: Bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ T công khai vụ án thụ lý số: 453/2021/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021 về việc "*Yêu cầu ly hôn, nuôi con chung*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987 (Có mặt)

  Địa chỉ: số 030, ấp AP, xã A H T, huyện B T, tỉnh T.

- Bị đơn : Anh Ngô Văn Th, sinh năm 1984. (Vắng mặt)

  Địa chỉ: số 030 ấp AP, xã A H T, huyện B T, tỉnh T. .

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
  Bà Nguyễn Thị I, sinh năm 1966. (Có mặt)

  Địa chỉ: ấp ấp AP, xã A H T, huyện B T, tỉnh T.

.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/11/2021, biên bản hòa giải ngày 23/6/2022, chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Ngô Văn Th cưới nhau năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Hòa Tây, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre vào ngày

18/02/2018, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi cưới, vợ chồng chị sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ đó, nguyên nhân do hai bên tính tình không hợp nhau, xảy ra bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Ngô Văn Th.

Về con chung: Chị và anh Th có 01 con chung tên là Ngô Nguyễn Huyền T, sinh ngày 15/10/2018 hiện đang sống với chị. Nay ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi cháu T và yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Theo đơn yêu cầu độc lập và đơn thay đổi yêu cầu độc lập của bà I, yêu cầu chị và anh Th cùng liên đới trả số nợ 57.000.000 đồng thì chị không đồng ý trả số tiền trên cho bà I vì tiền là do anh Th vay.

** Tại biên bản hòa giải ngày 23/6/2022, anh Ngô Văn Th trình bày:*

Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị T về thời gian cưới nhau, nơi đăng ký kết hôn và thời gian sống ly thân của vợ chồng. Sau khi kết hôn thì sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên dẫn đến thường xuyên cự cãi, từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Cuộc sống vợ chồng từ đó không có hạnh phúc hai bên sống ly thân từ tháng 4 năm 2021 cho đến nay, thời gian sống ly thân hai bên cũng có gặp nhau để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay chị T xin ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh đồng ý là vợ chồng anh có 01 con chung tên Ngô Nguyễn Huyền T, sinh ngày 15/10/2018 hiện đang sống với chị T. Khi ly hôn anh đồng ý giao con chung là cháu T cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng; anh không đồng ý cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Trước đây ngày 24/12/2021 anh có làm đơn yêu cầu phản tố yêu cầu chia đôi giá trị căn nhà cất trên đất bà Thúy, nhưng nay anh xin rút lại yêu cầu phản tố; Không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề chia tài sản chung giữa anh và chị Th nữa; tài sản chung anh và chị Th tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Theo đơn yêu cầu độc lập và đơn thay đổi yêu cầu độc lập của bà I, yêu cầu anh trả số tiền 57.000.000 đồng (Năm mươi bảy triệu đồng) thì anh thừa nhận anh có vay số tiền 57.000.000 của bà I, anh đồng ý trả ½ số tiền trên cho bà I là 28.500.000 đồng.

** Tại đơn yêu cầu độc lập và biên bản hòa giải ngày 23/6/2022, bà Nguyễn Thị I trình bày:*

Vào năm 2021 bà có cho anh Th và chị T mượn số tiền 80.000.000 đồng để trả nợ cho chủ ghe trước; không có làm biên nhận nhưng bà là người trực tiếp đưa

tiền cho anh Th và chị T. Nay anh Th và chị T ly hôn bà yêu cầu anh Th và chị T trả số tiền trên. Trước đây, bà khởi kiện yêu cầu anh Th và chị T trả cho bà số tiền 80.000.000 đồng nhưng anh Th đã trả được số tiền 23.000.000 đồng. Nay bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh Th và chị T phải liên đới trả cho bà số tiền 57.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về thủ tục tố tụng: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, vụ án đưa ra xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 59 Luật hôn nhân và gia đình: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Ngô Văn Th. Về con chung: Để cháu Ngô Nguyễn Huyền T, sinh ngày 15/10/2018 cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và buộc anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu phản tố của anh Ngô Văn Th về phần chia tài sản chung. Về nợ chung: Buộc anh Ngô Văn Th và chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị I số tiền 57.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và T tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Bị đơn anh Ngô Văn Th đã được Tòa án triệu tập và tống đạt hợp lệ 02 lần để xét xử nhưng anh Th vắng mặt không lý do. Căn cứ các điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Th là phù hợp quy định của pháp luật.

2. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Ngô Văn Th cưới nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Hòa Tây nên hôn nhân của anh Th và chị T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị T và anh Th sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên dẫn đến thường xuyên cự cãi, từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Khi xảy ra mâu thuẫn, anh chị cũng đã ngồi lại để giải quyết mâu thuẫn nhiều lần nhưng vẫn không kết quả nên chị T đã về nhà cha ruột từ tháng 4/2021 và sống ly

thân đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị T và anh Th cũng có tới lui để hàn gắn nhưng không thành. Anh Th cho rằng không còn tình cảm với chị T nên anh đồng ý ly hôn; nên yêu cầu xin ly hôn của chị T với anh Th là có căn cứ phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Xét yêu cầu của chị T về việc được nuôi con chung là cháu Ngô Nguyễn Huyền T, sinh ngày 15/10/2018 và yêu cầu anh Ngô Văn Th cấp dưỡng nuôi con Hội đồng xét xử xét thấy:

Từ khi chị T anh Th sống ly thân thì cháu T vẫn do chị T nuôi dưỡng, chị chăm sóc con vẫn chu đáo, anh Th cũng đồng ý để con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó để ổn định tâm sinh lý của cháu T nên Hội đồng xét xử chấp yêu cầu nuôi con chung của chị Nguyễn Thị T.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị T yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng; anh Th không đồng ý cấp dưỡng. Theo lời trình bày của chị T thì công việc hiện tại của anh Th là đi biển, thu nhập không ổn định, vài tháng mới vào đất liền một lần, chị không biết được thu nhập mỗi tháng của anh Th là bao nhiêu; để đảm bảo nhu cầu cuộc sống của con chung thì anh Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 107 Luật Hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên do không xác định được mức thu nhập hàng tháng của anh Th nên mức cấp dưỡng của anh Th được xác định là ½ tháng lương tối thiểu. Hiện tại mức lương tối thiểu vùng được quy định là 1.490.000 đồng/tháng; nên anh Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T là 745.000 đồng/ tháng.

[2.3] Về tài sản chung: Trước đây ngày 24/12/2021 anh Th có làm đơn yêu cầu phản tố yêu cầu chia đôi giá trị căn nhà cất trên đất bà Thúy, nhưng tại biên bản hòa giải ngày 23/6/2022 anh Th trình bày xin rút lại yêu cầu phản tố; Không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề chia tài sản chung giữa anh và chị T nữa; tài sản chung anh và chị T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án đình chỉ yêu cầu phản tố của anh Ngô Văn Th.

[2.4] Về nợ chung: Bà I yêu cầu anh Th và chị T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền 57.000.000 đồng; không yêu cầu tính lãi suất.

Tại biên bản hòa giải ngày 23/6/2022 anh Th và chị T thống nhất có nợ bà I số tiền 57.000.000 đồng; anh Th sẽ trả cho bà I số tiền 28.500.000 đồng; chị T trả cho bà I số tiền 28.500.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ T anh Th vắng mặt không lý do; chị T không thừa nhận nợ chung và không đồng ý trả nợ cho bà I.

Xét yêu cầu độc lập của bà I Hội đồng xét xử xét thấy: Khi anh Th vay nợ của bà I mặc dù không có ký giấy nhận nợ, nhưng anh Th thừa nhận là có nợ của bà I số tiền 57.000.000 đồng; tuy anh Th là người trực tiếp nhận tiền nhưng chị T cũng biết về việc vay mượn này và chị T cũng thừa nhận khi anh Th vay tiền về có đưa tiền cho chị mua sữa cho con. Anh Th vay tiền của bà I nhằm mục đI phục vụ kinh tế gia đình, số nợ vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên chị T phải có trách

nhiệm liên đới cùng anh Th trả số nợ 57.000.000 đồng cho bà I là phù hợp với Điều 27 luật hôn nhân và gia đình.

[3] Đối với lời trình bày của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri về quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4])Chị T và anh Th có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể:

Về án phí hôn nhân sơ T chị Nguyễn Thị T phải chịu là 300.000 đồng.

Án phí cấp dưỡng nuôi con anh Ngô Văn Th phải chịu 300.000 đồng;

Do khởi kiện của bà I được chấp nhận nên anh Th và chị T phải liên đới chịu án phí theo quy định của pháp luật. Cụ thể: 57.000.000 đồng x 5% = 2.850.000 đồng (Hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 27, 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Ngô Văn Th. Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Ngô Văn Th.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Ngô Nguyễn Huyền T, sinh ngày 15/10/2018. Buộc anh Ngô Văn Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T mỗi tháng 745.000đ (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng được thực hiện từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh Ngô Văn Th có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi I của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của anh Ngô Văn Th đối với chị Nguyễn Thị T về việc chia tài sản chung là căn nhà xây dựng năm 2017 trên phần đất của bà Nguyễn Thị Thúy.

4. Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị I đối với anh Ngô Văn Th và chị Nguyễn Thị T về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc anh Ngô Văn Th, chị Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị I số tiền 57.000.000 đồng (Năm mươi bảy triệu đồng); ghi nhận việc bà Nguyễn Thị I không yêu cầu tính lãi suất của số tiền trên.

5. Về án phí:

Án phí Hôn nhân sơ T chị Nguyễn Thị T phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0003271 ngày 26/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Án phí cấp dưỡng nuôi con anh Ngô Văn Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng anh Th đã nộp là 3.125.000 đồng theo biên lai thu số 0003666 ngày 28/12/2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Anh Ngô Văn Th và chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ T là 2.850.000 đồng (Hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị I số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003659 ngày 24/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị I có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đối với anh Ngô Văn Th vắng mặt tại phiên Tòa cũng có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc T.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã An Hòa Tây;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ T
T PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lựu